

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

(từ ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Phạm Thanh Tùng

Chủ tịch

(đến ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Shinichiro Ota

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Kiều Ly

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Đào Ngọc Minh Tiến

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.575.572.010.177	1.771.470.476.714
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	72.100.260.055	186.481.253.593
Tiền	111		72.100.260.055	141.247.146.439
Các khoản tương đương tiền	112		-	45.234.107.154
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		573.414.528.953	656.729.740.504
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	573.414.528.953	656.729.740.504
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320.073.904.294	142.888.444.563
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	240.912.795.400	83.230.245.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	51.702.107.751	27.391.535.423
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	30.766.288.418	32.806.005.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.307.352.903)	(559.800.418)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		65.628	20.458.019
Hàng tồn kho	140	10	578.260.072.174	737.093.716.679
Hàng tồn kho	141		579.270.082.654	752.684.964.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.010.010.480)	(15.591.247.497)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.723.244.701	48.277.321.375
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.309.200.689	2.828.088.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	27.414.044.012	45.449.233.302

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		676.128.131.462	711.273.921.029
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.177.300.000	6.658.733.987
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	5.552.843.775
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	1.657.935.376
Phải thu dài hạn khác	216		3.177.300.000	2.771.200.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(3.323.245.164)
Tài sản cố định	220		547.848.200.774	571.256.987.857
Tài sản cố định hữu hình	221	11	325.889.225.534	348.891.560.781
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.065.537.075.528</i>	<i>1.035.299.631.898</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(739.647.849.994)</i>	<i>(686.408.071.117)</i>
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	4.416.668.007	-
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>4.456.238.430</i>	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(39.570.423)</i>	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	217.542.307.233	222.365.427.076
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>263.190.870.706</i>	<i>262.770.870.706</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(45.648.563.473)</i>	<i>(40.405.443.630)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		49.931.283.328	45.524.928.011
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	49.931.283.328	45.524.928.011
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		42.671.347.360	55.333.271.174
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	18.728.012.903	22.250.366.085
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.530.281.557	6.030.112.396
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	18.413.052.900	27.052.792.693
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.251.700.141.639	2.482.744.397.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)


Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.519.659.193.494	1.814.305.526.581
Nợ ngắn hạn	310		1.445.732.146.918	1.735.679.601.937
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	112.387.643.802	219.520.294.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.928.202.548	24.933.996.672
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	18.302.918.354	13.563.461.160
Phải trả người lao động	314		72.525.055.787	77.937.248.842
Chi phí phải trả	315	20	127.824.124.405	24.441.158.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	6.046.630.270	5.455.641.776
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.075.200.961.542	1.355.990.123.377
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	11.591.786.590	9.090.947.990
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	15.924.823.620	4.746.728.397
Nợ dài hạn	330		73.927.046.576	78.625.924.644
Phải trả người bán dài hạn	331		-	6.531.292.532
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	169.632.112
Phải trả dài hạn khác	337		420.000.000	420.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	22(b)	73.507.046.576	71.505.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		732.040.948.145	668.438.871.162
Vốn chủ sở hữu	410	25	732.040.948.145	668.438.871.162
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		161.626.946.846	83.280.322.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.112.232.075	118.856.779.913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		256.806.949	21.869.393.986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		103.855.425.126	96.987.385.927
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.251.700.141.639	2.482.744.397.743

Ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
Phó phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng




Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc
 ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Kỳ quý ba kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	875.115.071.333	802.370.759.212	2.632.720.511.080	2.639.906.968.589
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	137.808.308.161	124.880.115.374	389.956.690.836	376.291.746.683
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	737.306.763.172	677.490.643.838	2.242.763.820.244	2.263.615.221.906
Giá vốn hàng bán	11	30	612.024.530.629	592.306.499.076	1.933.194.696.679	1.934.848.088.424
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		125.282.232.543	85.184.144.762	309.569.123.565	328.767.133.482
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	12.041.797.308	14.838.766.493	41.629.619.881	40.479.364.752
Chi phí tài chính	22	32	13.739.885.100	14.243.842.306	55.857.262.983	48.956.376.346
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		12.992.268.125	14.330.305.902	48.164.104.779	44.952.288.129
Chi phí bán hàng	25	33	54.250.429.531	26.615.225.129	127.188.178.198	134.109.467.138
Chi phí quản lý DN	26	34	11.042.309.392	14.419.788.123	34.698.128.932	40.042.757.076
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		58.291.405.828	44.739.055.697	133.455.173.333	146.137.887.654
Thu nhập khác	31		71.123.294	1.043.774.071	198.594.236	1.195.620.811
Chi phí khác	32		-	-	78.244.126	40.000.002
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		71.123.294	1.043.774.071	120.350.110	1.155.620.809
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		58.362.529.122	45.782.829.768	133.575.523.443	147.293.508.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	11.095.511.324	11.363.064.187	29.220.267.478	31.235.056.356
Lợi ích/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	603.183.261	(431.096.977)	499.830.839	316.829.005
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.663.834.537	34.850.862.558	103.855.425.126	115.741.623.102
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	903	675	2.011	2.242

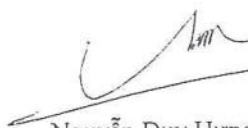
Ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		133.575.523.443	147.293.508.463
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		61.381.517.029	59.076.735.503
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(1.635.308.281)	2.775.093.726
Thu nhập từ tiền lãi	04		149.814.455	(256.647.290)
Chi phí lãi vay	05		(37.445.378.933)	(36.905.310.299)
Chi khoản điều chỉnh khác	06		48.164.104.779	44.952.288.129
	07		(2.859.047.886)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		201.331.224.606	216.935.668.232
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(170.791.263.344)	(181.415.861.777)
Biến động hàng tồn kho	10		171.033.838.500	157.105.006.951
Biến động các khoản phải trả và các nợ phải trả khác	11		(19.691.947.679)	67.770.505.507
Biến động chi phí trả trước	12		2.041.240.566	(5.152.446.581)
Tiền lãi vay đã trả	14		(48.164.104.779)	(44.952.288.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.917.158.283)	(29.832.003.554)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.839.399.420)	(6.346.839.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		104.002.430.167	174.111.741.229
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(72.180.610.098)	(64.550.807.842)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	69.552.000
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(347.524.107.154)	(220.265.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		454.620.608.504	238.003.541.666
Tiền thu lãi tiền gửi	27		29.122.260.392	53.776.118.364
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		64.038.151.644	7.033.404.188

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

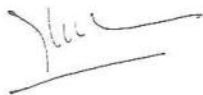
Mã Thuyết số minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày			
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	2.124.142.838.235	2.017.249.990.232	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.382.849.054.989)	(2.228.866.412.991)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.235.381.825)	(23.235.381.825)	
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(281.941.598.579)	(234.851.804.584)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(113.901.016.768)	(53.706.659.167)	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	136.481.253.593	106.946.601.326	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(479.976.770)	(215.715.990)	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	72.100.260.055	53.024.226.169

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	46.883.838.519	79.964.411.240

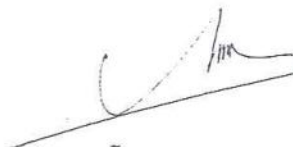
Ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			30/9/2020	1/1/2020
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có 1.193 nhân viên (1/1/2020: 1.179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán dùng lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.177.306.538	1.347.698.234
Tiền gửi ngân hàng	70.922.953.517	139.899.448.205
Các khoản tương đương tiền	-	45.234.107.154
	<hr/>	<hr/>
	72.100.260.055	186.481.253.593

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối kỳ và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,70% đến 8,50% (2019: 5,00% đến 8,50%).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ông Chea Se	16.591.721.888	16.318.777.115
Faith Chemical Enterprises	6.592.824.993	4.170.190.698
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải	5.000.602.800	7.966.263.800
Các khách hàng khác	212.727.645.719	54.775.014.351
	<hr/>	<hr/>
	240.912.795.400	83.230.245.964
	<hr/>	<hr/>

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Lagardere Sports Asia PTE. Ltd	7.800.810.000	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	1.813.593.444	-
Sorfin Yoshimura Tokyo. Ltd.,	1.204.507.535	-
Sorin Corporation	3.070.685.040	9.607.739.646
Wirtz Manufacturing Co	11.801.179.472	3.215.620.947
Các nhà cung cấp khác	26.011.332.259	14.568.174.830
	<hr/>	<hr/>
	51.702.107.750	27.391.535.423
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	15.099.113.667	30.557.284.925
Tạm ứng cho nhân viên	2.685.008.447	1.983.167.467
Phải thu khác	12.982.166.304	265.553.183
	<hr/>	<hr/>
	30.766.288.418	32.806.005.575
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 3 năm	2.081.134.315	1.636.093.505	445.040.810
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 3 năm	1.545.995.440	1.294.348.374	251.647.066
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	71.927.240	35.963.620	35.963.620
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	582.645.318	340.947.404	241.697.914
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		4.281.702.313	3.307.352.903	974.349.410
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.039.283.520	311.785.056	727.498.464
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	612.139.990	183.641.997	428.497.993
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	214.577.883	64.373.365	150.204.518
		1.866.001.393	559.800.418	1.306.200.975
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 1 năm đến 3 năm	3.806.514.486	2.401.605.837	1.404.908.649
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 1 năm đến 3 năm	1.213.468.080	606.734.040	606.734.040
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 3 năm	328.352.082	314.905.287	13.446.795
		5.348.334.648	3.323.245.164	2.025.089.484
		7.214.336.041	3.883.045.582	3.331.290.459

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.883.045.582	4.311.641.062
Số trích lập trong kỳ	394.852.439	506.806.848
Số hoàn nhập trong kỳ	(970.545.118)	(182.507.922)
	3.307.352.903	4.635.939.988

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/9/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	71.880.426.184		- 161.842.158.166	-
Nguyên vật liệu	220.715.344.985		- 242.673.021.577	-
Công cụ và dụng cụ	11.283.257.583		- 11.819.841.886	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	119.528.616.058		- 160.227.659.356	-
Thành phẩm	155.180.866.750	(1.010.010.480)	175.622.099.177	(6.106.909.839)
Hàng hóa	707.571.094		- 500.184.014	-
Hàng tồn kho	579.296.082.654	(1.010.010.480)	752.684.964.176	(6.106.909.839)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	29.433.835.715	(11.020.782.815)	27.052.792.693	(9.484.337.658)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2020	
	Hàng tồn kho VND	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn VND
Số dư đầu kỳ	6.106.909.839	9.484.337.658
Số trích lập trong kỳ	-	1.536.445.157
Số hoàn nhập trong kỳ	(5.096.899.359)	-
Số dư cuối kỳ	1.010.010.480	11.020.782.815

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	178.445.140.643	809.184.285.387	31.511.564.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.035.299.631.898
Mua sắm trong kỳ	-	3.691.910.460	316.000.000	-	-	4.007.910.460
Chuyển từ XDCB dở dang (Thuyết minh 14)	725.473.150	27.276.328.906	1.034.500.000	-	-	29.036.302.056
Thanh lý	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Chuyển khác	-	52.279.000	-	-	-	52.279.000
Số dư cuối kỳ	179.170.613.793	837.345.755.867	32.862.064.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.065.537.075.528
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	97.329.962.950	555.405.832.869	20.957.451.219	10.582.879.016	2.131.945.063	686.408.071.117
Khấu hao trong kỳ	7.799.355.278	45.848.083.509	1.826.373.544	415.601.184	209.413.248	56.098.826.763
Thanh lý	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Số dư cuối kỳ	105.129.318.228	598.394.868.492	22.783.824.763	10.998.480.200	2.341.358.311	739.647.849.994
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	81.115.177.693	253.778.452.518	10.554.113.466	2.672.184.613	771.632.491	348.891.560.781
Số dư cuối kỳ	74.041.295.565	238.950.887.375	10.078.239.922	2.256.583.429	562.219.243	325.889.225.534

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 468.807 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 (1/1/2020: 394.984 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 36.670 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định thuê tài chính.

	Máy móc và thiết bị VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	-	-
Mua sắm trong kỳ	4.450.218.000	4.450.218.000
Chuyển từ XDCB dở dang (Thuyết minh 14)	6.020.430	6.020.430
Số dư cuối kỳ	4.456.238.430	4.456.238.430
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	39.570.423	39.570.423
Số dư cuối kỳ	39.570.423	39.570.423
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	4.416.668.007	4.416.668.007

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	247.954.936.198	9.597.155.852	5.218.778.656	262.770.870.706
Chuyển từ XDCB dở dang (Thuyết minh 14)	-	420.000.000	-	420.000.000
Số dư cuối kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	27.859.179.474	7.327.485.500	5.218.778.656	40.405.443.630
Khấu hao trong kỳ	4.177.165.726	1.065.954.117	-	5.243.119.843
Số dư cuối kỳ	32.036.345.200	8.393.439.617	5.218.778.656	45.648.563.473
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	220.095.756.724	2.269.670.352	-	222.365.427.076
Số dư cuối kỳ	215.918.590.998	1.623.716.235	-	217.542.307.233

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 10.765 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 (1/1/2020: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 17.478 triệu VND (1/1/2020: 17.886 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Số dư đầu kỳ	45.524.928.011	80.467.247.065
Mua sắm trong kỳ	38.887.528.814	63.019.690.569
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 11,12,13)	(29.462.322.486)	(92.082.503.238)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16)	(5.018.851.011)	(5.870.080.851)
Số dư cuối kỳ	49.931.283.328	45.534.353.545

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	32.526.754.751	41.230.983.930
Công trình xây dựng	17.404.528.577	4.293.944.081
	49.931.283.328	45.524.928.011

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/9/2020		1/1/2020	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26.00%	32.500.000.000	26.00%	32.500.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	6.764.119.881	15.486.246.204	22.250.366.085
Mua sắm trong kỳ	850.036.900	1.938.812.736	2.788.849.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	249.243.927	4.769.607.084	5.018.851.011
Phân bổ trong kỳ	(3.542.432.592)	(7.787.621.237)	(11.330.053.829)
Số dư cuối kỳ	4.320.968.116	14.407.044.787	18.728.012.903

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	2.406.158.659	3.118.249.499
Dự phòng bảo hành	20%	2.318.357.318	1.818.189.598
Chi phí phải trả	20%	661.780.564	965.843.974
Chênh lệch tỷ giá	20%	143.985.016	127.829.325
		5.530.281.557	6.030.112.396

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2020	1/1/2020
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Sorin Corporation Singapore PTE Ltd	5.155.106.810	10.224.189.403
Thai United Industry Company Ltd.	16.921.326.718	22.704.010.502
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	16.921.326.718	6.291.528.899
Trafigura PTE LTD	13.991.347.694	104.033.236.640
Các nhà cung cấp khác	59.398.535.862	76.267.329.512
	112.387.643.802	219.520.294.956

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	30/9/2020	1/1/2020
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.177.869.650	1.132.849.300
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	38.973.000	30.217.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/9/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	512.021.026.846	(413.609.863.719)	(97.265.291.993)	1.145.871.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.221.478.038	29.220.267.478	-	(25.917.158.283)	16.524.587.233
Thuế thu nhập cá nhân	1.755.870.399	5.590.150.418	-	(7.788.215.132)	(442.194.315)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.413.887.277)	9.185.289.705	-	(6.696.748.126)	1.074.654.302
	13.563.461.160	556.016.734.447	(413.609.863.719)	(137.667.413.534)	18.302.918.354

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số hoàn trả trong kỳ VND	30/9/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.449.233.302	395.574.674.429	(413.609.863.719)	-	27.414.044.012

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chiết khấu, chi phí khuyến mãi và chi phí hỗ trợ bán hàng	87.843.992.681	19.302.990.710
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	35.781.228.903	-
Chi phí vận chuyển	2.922.470.547	2.508.700.255
Chi phí lãi vay	1.095.632.274	1.579.068.047
Các khoản chi phí phải trả khác	180.800.000	1.050.399.755
	<hr/>	<hr/>
	127.824.124.405	24.441.158.767
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cổ tức	17.558.715	17.087.040
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.503.833.585	1.889.050.464
Các khoản phải trả khác	4.525.237.970	3.549.504.272
	<hr/>	<hr/>
	6.046.630.270	5.455.641.776
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/9/2020		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.303.490.123.377	1.303.490.123.377	2.103.969.585.687	(2.367.541.313.783)	(80.898.505)	1.039.837.496.776	1.039.837.496.776
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	20.000.000.000	20.000.000.000	18.171.205.972	(15.307.741.206)	-	22.863.464.766	22.863.464.766
	1.355.990.123.377	1.355.990.123.377	2.122.140.791.659	(2.382.849.054.989)	(80.898.505)	1.095.200.961.542	1.095.200.961.542

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngân hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngân hàng không có đảm bảo

	Loại tiền	Lãi suất năm 2020	2019	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	4,5%-4,7%	5,4%	62.811.674.874	70.258.060.703
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,4%	5,50% - 5,70%	123.976.139.536	226.614.415.070
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2%-3,8%	3,80%-4,20%	96.627.952.235	145.767.083.155
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	4,9-5,6%	5,60% - 7,90%	350.180.913.264	402.031.778.909
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	3,5%-3,8%	3,8%	45.946.189.858	84.917.300.539
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,3%-3,6%	3,30% - 4,60%	43.893.293.470	187.872.518.448
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	3,50%	3,63% - 3,88%	45.539.266.435	69.660.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	4,9%-5,0%	-	58.007.396.341	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	3,50%	3,80% - 4,90%	91.993.927.435	18.999.949.000
Ngân hàng Standard Chartered VN	VND	-	5,35% - 5,50%	-	97.369.017.553
Ngân hàng Siam Bank VN	VND	4,90%	-	35.321.163.994	-
Ngân hàng Siam Bank VN	USD	2,10%	-	23.750.058.238	-
Ngân hàng Maybank	VND	4,3%-4,7%	-	41.815.201.630	-
Ngân hàng Maybank	USD	2,10%	-	19.974.319.466	-
				1.039.837.496.776	1.303.490.123.377

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	96.370.511.342	91.505.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(22.863.464.766)	(20.000.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	73.507.046.576	71.505.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/9/2020 VND	1/1/2020 VND
		2020	2019		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	9,20% - 9,60%	9,10%	84.337.000.000	91.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	9,00%	-	12.033.511.342	-
				96.370.511.342	91.505.000.000

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi số lần lượt là 36.670 triệu VND và 17.478 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND và 17.886 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2020		1/1/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	3.762.009.844	898.545.077	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	10.297.325.394	1.127.278.818	-	-
	14.059.335.238	2.025.823.896	-	-

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.090.947.990	10.190.195.334
Tăng/giảm trong kỳ	2.500.838.600	912.319.408
Số dư cuối kỳ	11.591.786.590	11.102.514.742

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.746.728.397	2.911.165.144
Số trích lập trong kỳ	17.017.494.643	16.138.021.972
Số sử dụng trong kỳ	(5.839.399.420)	(6.346.839.420)
Số dư cuối kỳ	15.924.823.620	12.702.347.696

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	464.717.070.000	1.584.699.224	35.909.356.110	108.614.235.373	610.825.360.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.741.623.102	115.741.623.102
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	47.370.965.915	(47.370.965.915)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.138.021.972)	(16.138.021.972)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2019	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	137.611.017.088	687.193.108.337
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	103.855.425.126	103.855.425.126
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	104.112.232.075	732.040.948.145

Trong kỳ, cổ tức được chia và quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 379/PA-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2020.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	30/9/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Các cổ đông khác	17.673.726	38,03%	17.673.726	38,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.411.735.200	1.465.745.455
Trong vòng hai đến năm năm	358.600.000	969.600.000
	<hr/>	<hr/>
	2.770.335.200	2.435.345.455
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/9/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	29.631.375.474	22.698.590.978
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/9/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.958.168	45.214.103.739	147.829	3.417.814.107
EUR	284	7.587.559	292	7.524.031
		<hr/>		<hr/>
		45.221.691.298		3.425.338.138
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Trong nước	1.792.006.168.121	1.827.980.922.654
Xuất khẩu	450.757.652.123	435.634.299.252
	<hr/>	<hr/>
	2.242.763.820.244	2.263.615.221.906
	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu	2.632.720.511.080	2.639.906.968.589
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	389.736.735.007	375.751.776.306
▪ Hàng bán bị trả lại	219.955.829	539.970.377
	<hr/>	<hr/>
	389.956.690.836	376.291.746.683
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.242.763.820.244	2.263.615.221.906
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	1.891.611.225.638	1.918.640.546.529
Khuyến mãi có điều kiện	45.143.925.243	14.669.066.503
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.560.454.202)	1.538.475.392
	<hr/>	<hr/>
	1.933.194.696.679	1.934.848.088.424
	<hr/>	<hr/>

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	37.445.378.933	36.905.310.299
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.184.240.948	3.317.407.143
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	256.647.290
	<hr/>	<hr/>
	41.629.619.881	40.479.364.732
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	48.164.104.779	44.952.288.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.543.343.749	4.004.088.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.814.455	-
	<hr/>	<hr/>
	55.857.262.983	48.956.376.346
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.727.394.970	27.418.940.607
Chi phí khấu hao	2.414.942.367	2.254.639.249
Chi phí bảo hành	15.881.643.205	14.507.856.208
Chi phí quảng cáo	25.103.717.305	4.553.704.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.504.601.476	35.885.617.866
Chi phí bán hàng khác	13.555.878.875	49.488.708.619
	<hr/>	<hr/>
	127.188.178.198	134.109.467.138
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.788.715.078	19.759.181.391
Chi phí khấu hao	836.890.841	1.593.384.497
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(575.692.679)	324.298.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.714.845.338	8.418.524.714
Chi phí khác	7.933.370.354	9.947.377.548
	<hr/>	<hr/>
	34.698.128.932	40.042.767.076
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.540.702.808.368	1.449.280.226.184
Chi phí nhân công và nhân viên	197.363.170.590	205.415.431.766
Chi phí khấu hao và phân bổ	61.381.517.029	59.076.735.503
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	252.290.229.072	259.261.883.747
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	26.281.327.408	29.308.485.739
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.617
	29.220.267.478	31.235.056.356
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	499.830.839	316.829.005
	29.720.098.317	31.551.885.361
	29.720.098.317	31.551.885.361

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.575.523.443	147.293.508.463
	133.575.523.443	147.293.508.463
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.715.104.689	29.458.701.693
Chi phí không được khấu trừ thuế	66.053.558	166.613.051
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.617
	29.720.098.317	31.551.885.361
	29.720.098.317	31.551.885.361

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2020	30/9/2019
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	103.855.425.126	115.741.623.102
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(10.385.542.513)	(11.574.162.310)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	93.469.882.613	104.167.460.792
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.011	2.242
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo mức trích lập được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	30/9/2019
	30/9/2020	30/9/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức được chia	11.949.136.500	11.949.136.500
Cổ đông lớn		
<i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i>		
Phí bản quyền	2.879.996.568	2.918.864.754
Cổ tức được chia	2.449.854.000	2.449.854.000
Công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	15.230.960.470	14.828.513.150
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	300.089.900	305.655.900

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

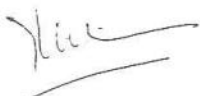
	Giá trị giao dịch	
	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2020 VND	30/9/2019 VND
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix Mua hàng hóa	3.168.434.396	-
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thù lao	315.000.000	315.000.000
Ban Giám đốc Lương và thưởng	1.043.960.000	1.115.280.000

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 được mang sang từ số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc